

TAM GIÁC CHIẾN LƯỢC NHỮNG ĐỘNG THÁI GIỮA TRUNG QUỐC, NGA, VÀ MỸ

James C. Hsiung *

Tam giác chiến lược một thời từng chi phối chính trường thế giới trong thời kỳ cao điểm của Chiến tranh lạnh đã mất nhiều chất hấp dẫn kể từ khi Liên Xô sụp đổ. Tuy nhiên, Washington vẫn đề mắt đề phòng những gì đang diễn ra giữa Nga và Trung Quốc để từ đó có thể tìm ra các manh mối gợi ý cho việc hoạch định chính sách có lợi cho Mỹ. Tương tự như vậy, những động thái chiến lược của Mỹ có thể báo hiệu những phản ứng của Nga và Trung Quốc.

Một ví dụ của mối tương tác này được thể hiện trong hàng loạt sự kiện diễn ra vào năm 1993 và 1994. Vào tháng 9/1993, Trung Quốc đã không được chọn làm nước đăng cai tổ chức Thế vận hội Olympic năm 2000, và người ta cho rằng nguyên nhân chính là sự phản đối của Mỹ. Do thiếu hai phiếu bầu nên thất bại này thật thảm hại với Bắc Kinh. Hai tháng sau đó, có lẽ do trùng hợp, Bộ trưởng Quốc phòng Nga Pavel Grachev đã tới thăm Trung Quốc và ký một thỏa thuận với đối tác Trung Quốc nhằm thúc đẩy hợp tác trong lĩnh vực quốc phòng giữa hai nước. Khó có thể đánh giá mức độ ảnh hưởng của sự việc này đối với Washington, nhưng nó lại xảy ra đúng vào thời điểm Tổng thống Mỹ, Bill Clinton đang cân nhắc bản báo cáo gửi Quốc hội Mỹ về việc có nên gia hạn quy chế Tối huệ quốc cho Trung Quốc hay không. Ngày 25/5/1994, sớm

hơn hạn định nhiều ngày, Clinton tuyên bố Mỹ sẵn sàng gia hạn quy chế Tối huệ quốc cho Trung Quốc. Thật bất bình thường, ông còn cho biết thêm rằng việc xét quy chế Tối huệ quốc cho Trung Quốc từ nay về sau không gắn với vấn đề nhân quyền. Sự thay đổi chính sách của Bill Clinton đã báo trước việc Quốc hội Mỹ thông qua quy chế bình thường hóa quan hệ thương mại vĩnh viễn với Trung Quốc vào năm 1999, mở đường cho việc Trung Quốc gia nhập WTO hai năm sau đó.

Quan hệ đối tác Nga - Trung

Mặc dù Clinton ủng hộ mối quan hệ với cả Nga và Trung Quốc, nhưng dường như ông vẫn không ngừng đề phòng Nga. Mặc dù tình hình trong nước trở nên lộn xộn sau khi Liên Xô tan rã nhưng Nga vẫn được thừa kế khả năng hạt nhân to lớn có thể coi như mối đe dọa tiềm tàng. Mối quan ngại này có lẽ chính là nguyên nhân khiến NATO mở rộng về phía Tây sau năm 1993. Sự việc này dường như đã làm thay đổi quan điểm "Atlanticist", và vào năm 1995 Moscow đã chuyển hướng nội địa và về phía Đông.

Trong sự chuyển hướng nội địa, Moscow đã áp dụng chính sách "statist" để phát triển sự đồng nhất chiến lược và tìm kiếm vị trí cường quốc khu vực. Ở khu vực Âu - Á, Nga

trông đợi vào việc khôi phục lại Cộng đồng các quốc gia độc lập, bao gồm Belarus và Ukraine. Ở Trung - Đông Âu, Nga phản đối bất kỳ sự mở rộng nào của phương Tây mà lại loại trừ nó. Nga có tham vọng tạo ra một khu vực Âu - Á đặt dưới ảnh hưởng của mình và một Trung - Đông Âu là khu trung lập.

Trong việc mạnh dạn chuyển hướng về phía Đông, Nga đã mở rộng mối quan hệ đối tác với Trung Quốc lên một tầm cao mới kể từ sự kiện bình thường hóa quan hệ giữa hai nước vào năm 1989, kết thúc 32 năm bất hòa. Tiếp theo thỏa thuận hợp tác quốc phòng giữa hai nước vào năm 1993, Nga và Trung Quốc đã trở thành đối tác chiến lược của nhau vào năm 1996. Chuyến thăm Moscow của Chủ tịch Giang Trạch Dân vào tháng 4/1996, cuộc họp thượng đỉnh lần thứ tư của ông với Tổng thống Nga Boris Yeltsin kể từ năm 1992, đã đánh dấu sự hợp tác này. Cũng trong thời gian này, đại diện của hai nước đã gặp nhau ở Thượng Hải, cùng với các đại biểu của ba nước cộng hòa thuộc Liên Xô cũ ở vùng Trung Á là Kazakhstan, Kirgizia, và Tajikistan. Diễn đàn Thượng Hải do Nga và Trung Quốc sáng lập đã báo trước sự ra đời của Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO) vào tháng 6/2001, có thêm Uzbekistan gia nhập. Một tháng sau đó, Chủ tịch Giang Trạch Dân và Tổng thống Nga Vladimir Putin đã ký Hiệp ước Hữu nghị Láng giềng Nga - Trung ở Moscow. Nét đặc trưng quan trọng của hiệp ước này là khung pháp lý, ít nhất về mặt lý thuyết, quy định rằng hai bên hợp tác lâu dài trong nhiều lĩnh vực, như thương mại và kinh tế, khoa học và công nghệ, năng lượng, giao thông vận tải, tài chính, vũ trụ

và hàng không, công nghệ thông tin, và những nỗ lực giải quyết các vấn đề về biên giới và liên khu. Theo nguồn tin của Nga, Hiệp ước Hữu nghị Láng giềng và Tổ chức Hợp tác Thượng Hải là hai trụ cột của đối tác chiến lược Nga - Trung trong kỷ nguyên mới.

Ở trong nước, những người Nga có liên quan đến các lĩnh vực chính trị coi việc mở rộng NATO như là một hành động khiêu khích. Thậm chí sau khi Moscow ký thỏa thuận mới thành lập Ủy ban NATO - Nga đem lại cho Nga vị trí ngang bằng với 19 các quốc gia thành viên khác của liên minh trong các vấn đề an ninh, thì Nga vẫn phải áp dụng các biện pháp để đảm bảo rằng quan hệ đối tác chiến lược với Trung Quốc không bị tổn hại. Vào tháng 5/2003, Bộ trưởng Quốc phòng Nga Sergei Ivanov đã tới Bắc Kinh gặp Giang Trạch Dân và các quan chức cấp cao khác. Ông khẳng định một lần nữa giá trị của mối quan hệ hợp tác quân sự Nga - Trung không chỉ có lợi cho hai nước mà còn “thúc đẩy hòa bình và ổn định trong khu vực cũng như trên thế giới”. Một phần quan trọng của sự hợp tác quân sự này là bán vũ khí hạng nặng cho Trung Quốc, giúp tăng cường tiềm lực không quân và hải quân Trung Quốc cũng như làm phong phú tiền của Nga.

Hồ Cẩm Đào, ngay sau khi trở thành Chủ tịch nước Trung Quốc vào năm 2003, đã có cuộc hẹn gặp với Putin ở Moscow để bàn về cam kết “đối tác chiến lược” Nga - Trung. Hai ông chủ trì lễ ký kết một số hiệp định, trong đó có hiệp định giữa Công ty Dầu khí Trung Quốc và Công ty Dầu lửa Yukos của Nga thực hiện hợp đồng cung cấp dầu lửa lâu dài cho Trung Quốc qua đường ống dẫn dầu Nga - Trung.

Về chính trị, Tổng thống Putin tái khẳng định Nga vẫn ủng hộ Trung Quốc trong việc đòi lại chủ quyền lãnh thổ ở Đài Loan và Tây Tạng, đáp lại Chủ tịch Hồ Cẩm Đào ủng hộ Nga triệt tiêu phong trào ly khai ở Chechnya. Trong một thông cáo, hai bên nhấn mạnh sự ủng hộ một thế giới đa cực trong đó quan hệ giữa các nước được “dân chủ hóa” và Liên hiệp quốc đóng vai trò chủ đạo trong việc giải quyết các tranh chấp quốc tế. Lời chỉ trích úp mở về chủ nghĩa đơn cực chứng tỏ họ rất không hài lòng với Washington. Tuy nhiên, quan hệ đối tác Nga - Trung còn lâu mới là liên minh chống lại NATO và Mỹ như một số người dự đoán. Putin và Hồ Cẩm Đào cũng nhấn mạnh rằng mối quan hệ hợp tác này không nhằm vào một nước thứ ba nào cả.

Mâu thuẫn của mối quan hệ Nga - Mỹ: một mối quan hệ nhạy cảm

Nói một cách đơn giản, mối quan hệ Mỹ - Trung bị ảnh hưởng nặng nề bởi hai nhân tố: những thắng trầm trong quan hệ Nga - Trung và quan trọng hơn cả là vấn đề Đài Loan. Trong vòng 30 năm, kể từ khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời vào năm 1949, Mỹ vẫn tiếp tục công nhận một chế độ thù địch với Trung Quốc (Cộng hòa Trung Hoa - ROC) mà sau này được gọi là Đài Loan sau khi thất bại trong cuộc nội chiến ở lục địa. Tổng thống Mỹ Richard Nixon với ý đồ xây dựng liên minh với Trung Quốc - lúc đó đang xích mích với Liên Xô - đã mở đường cho quá trình bình thường hóa quan hệ giữa Mỹ với Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa vào năm 1979, nhằm đối phó với mối đe dọa ngày càng tăng từ Liên Xô. Tuy nhiên Mỹ vẫn duy

trì quan hệ không chính thức với Cộng hòa Trung Hoa (Đài Loan). Trên thực tế, theo Điều luật quan hệ với Đài Loan, một phần của luật nội địa Mỹ, Washington buộc phải bảo vệ an ninh cho Đài Loan và do đó tiếp tục bán vũ khí cho hòn đảo này.

Mối liên hệ với Đài Loan đã hủy hoại quan hệ giữa Mỹ và Trung Quốc kể từ đó, nhất là sau năm 1988 khi các nhà lãnh đạo Đài Loan ngày càng bộc lộ xu hướng bài trừ viễn cảnh một nước Trung Quốc. Trong một cuộc đối đầu giữa Trung Quốc lục địa và Đài Loan vào đầu năm 1996, Mỹ đã gửi hai đội thủy quân tới Eo biển Đài Loan để bày tỏ sự ủng hộ về mặt tinh thần đối với Đài Loan (và có lẽ để làm hài lòng những người bạn trong Quốc hội của Tổng thống Clinton). Một cuộc chiến không được tính đến chỉ được ngăn chặn khi Mỹ kịp thời rút về mấu hạm Independence mặc dù mấu hạm thứ hai Nimitz đang trên đường từ Địa Trung Hải tới. Việc thoát khỏi cuộc chiến tranh trong đường tơ kẽ tóc đã khiến cho chính quyền Clinton hiểu thêm về quan điểm cứng rắn của Bắc Kinh đối với Đài Loan, buộc Mỹ phải tiến hành xem xét lại chính sách Mỹ - Trung. Quyết định cuối cùng cho chính sách can dự đối với Trung Quốc của chính quyền Clinton là tránh không bị lôi kéo vào một cuộc chiến thiếu thận trọng với Trung Quốc vì vấn đề Đài Loan. Đây là chính sách mà Clinton theo đuổi trong nhiệm kỳ tổng thống thứ hai của ông.

Những gì diễn ra trong thời kỳ chính quyền Clinton không có gì là lạ. Trong một khuôn mẫu đã được định sẵn, tất cả tổng thống Mỹ, bắt đầu từ chính quyền Ronald Reagan đều mở đầu nhiệm kỳ của mình bằng thái độ đồng cảm với Đài Loan, gây lúng túng cho Trung Quốc, và rồi sau đó giảm

nhẹ đi. Tình trạng tương tự cũng diễn ra đối với chính quyền của Tổng thống George W. Bush kể từ năm 2001. Bush dường như phải đi theo mô hình này, mặc dù tình hình đã hoàn toàn thay đổi một cách nhanh chóng do nhu cầu chống khủng bố sau sự kiện ngày 11/9/2001. Trong chiến dịch tranh cử Tổng thống vào năm 2000, Bush đã gọi Trung Quốc là “đối thủ cạnh tranh chiến lược”, và sau khi nhậm chức, ông cam kết rằng Mỹ sẽ làm bất kỳ việc gì trong khả năng của mình để bảo vệ an ninh cho Đài Loan. Sau sự cố máy bay do thám vào ngày 1/4/2001, Tổng thống Bush đã không còn gọi Trung Quốc là “đối thủ cạnh tranh chiến lược”. Sau sự kiện 11/9/2001, Bắc Kinh đã ngay lập tức bày tỏ sự ủng hộ của mình đối với “cuộc chiến chống khủng bố” và Chính quyền Bush coi Trung Quốc là một đồng minh. Khi Bush tới thăm Trung Quốc vào tháng 2/2002, căng thẳng giữa hai nước đã dịu đi trông thấy so với những tháng đầu tiên trong nhiệm kỳ Tổng thống của Bush.

Nhiệt tình của Mỹ đối với Đài Loan đã giảm đi rõ rệt trong năm 2003, một phần vì chương trình ly khai có vẻ mập mờ của Tổng thống Đài Loan Trần Thủy Biển. Washington cảm thấy không yên tâm đối với kế hoạch của các nhà lãnh đạo Đài Loan là tổ chức một cuộc trưng cầu dân ý cùng với cuộc bầu cử tổng thống dự định diễn ra vào mùa Xuân năm 2004. Hơn nữa, Trần Thủy Biển còn kêu gọi sửa đổi Hiến pháp Đài Loan. Nếu kế hoạch của Trần Thủy Biển là sử dụng cuộc trưng cầu dân ý nhằm khẳng định và hợp pháp hóa cương lĩnh của đảng Dân chủ Tiến bộ cầm quyền của nước Cộng hòa Đài Loan hoàn toàn tách khỏi Trung Quốc, thì việc này rất có thể gây ra một cuộc xung đột vũ

trang xuất phát từ Bắc Kinh. Cảm nhận được tai họa tiềm ẩn, chính quyền Bush đã thận trọng không dính líu với Đài Loan, và cảnh báo các nhà lãnh đạo Đài Loan rằng họ phải tự chịu trách nhiệm về tất cả những hậu quả sẽ xảy ra.

Ngoại trưởng Mỹ Colin Powell đã nhận xét một cách ngắn gọn về sự thay đổi quan điểm của chính quyền Bush đối với Trung Quốc rằng năm 2003 là thời kỳ tốt đẹp nhất của mối quan hệ Trung - Mỹ kể từ năm 1972 khi Tổng thống Nixon đánh dấu sự khởi đầu bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc. Lý do cho sự thay đổi này không hẳn do Mỹ không còn thiên vị Đài Loan, hoặc do Trung Quốc ủng hộ cuộc chiến chống khủng bố. Lý do chính là sự khôn ngoan của Trung Quốc trong chính sách ngoại giao, thể hiện bằng sáng kiến làm trung gian hòa giải cho cuộc khủng hoảng vũ khí hạt nhân ở bán đảo Triều Tiên.

Cơ sở hợp tác - và bất đồng

Ba cột trụ chống đỡ cho mối quan hệ Nga và Trung Quốc với Mỹ là: cuộc chiến chống khủng bố, quan điểm phản đối phổ biến vũ khí giết người hàng loạt, và lợi ích kinh tế. Tuy nhiên, những khác biệt trong quan điểm của mỗi bên đối với các mối quan tâm chung này cho thấy con đường phía trước không dễ đi. Ví dụ, mối quan tâm của Mỹ trong việc chống nhóm khủng bố Al Qaeda khác xa với mối quan tâm của Nga và Trung Quốc về phong trào ly khai trong nước. Mối quan tâm của Mỹ về việc không phổ biến vũ khí giết người hàng loạt, mà trọng tâm là “trục ma quỷ” gồm ba nước Iraq, Iran, và Bắc Triều Tiên, mâu thuẫn với quan điểm của Nga vì Putin không coi Iran là mối nguy hiểm. Giống như Pháp và Đức, Nga

công khai phản đối chiến tranh Iraq. Trung Quốc cũng bất đồng quan điểm về vấn đề Iraq nhưng không lớn tiếng phản đối. Tuy nhiên, Trung Quốc lại đồng tình với Bush rằng vấn đề hạt nhân ở Bắc Triều Tiên cần phải được kiềm chế. Vấn đề Đài Loan vẫn tồn tại mãi mãi. Đối với lợi ích kinh tế, Nga quan tâm nhiều hơn đến việc gia nhập WTO, và Trung Quốc lại bận tâm trong việc đấu tranh với sức ép của Washington nhằm giảm nhập siêu và cho phép đồng Nhân dân tệ tăng giá so với đôla Mỹ.

Một yếu tố phức tạp là sự hiện diện của Không quân Hoa Kỳ ở một số nước cộng hòa Liên Xô cũ ở Trung Á, được thành lập lần đầu tiên trong phong trào Afghanistan và sau đó được phát triển trong cuộc chiến tranh Iraq gần đây. Sự hiện diện này đã khơi ngòi cho dư luận rằng Nga và Trung Quốc có ý đồ “hợp tác chiến lược” ba bên với Ấn Độ. Cuộc tập trận chung trên biển giữa Trung Quốc và Ấn Độ vào đầu tháng 11/2003 cho thấy tin đồn trên là có cơ sở. Vào tháng 9/2003 tại Bắc Kinh, Nga, Trung Quốc, và ba nước thành viên ở Trung Á của Tổ chức Hợp tác Thượng Hải đã ký một hiệp định xây dựng Trung tâm chống khủng bố ở Uzbekistan. Liệu hiệp định này có hàm ý gì đối với Washington không thì còn phải chờ xem.

Những người chỉ trích chính quyền Bush thường cho rằng chính sách của Bush đã đẩy Nga và Trung Quốc (cùng với các nước Trung Á) xích lại gần nhau hơn. Tuy nhiên, cũng có những dấu hiệu trái ngược cho thấy quan hệ Nga – Mỹ đã được cải thiện

từ khi chiến tranh Iraq chấm dứt. Bush và Putin không chỉ ký Hiệp ước Moscow giới hạn kho vũ khí hạt nhân của mỗi bên, mà còn tạo ra nền tảng chung cho lợi ích kinh tế giữa hai nước. Trước cuộc gặp thượng đỉnh với Bush tại Trại David vào tháng 9/2003, Putin tuyên bố sẵn sàng giúp Mỹ tái thiết Iraq. Tuy nhiên, nhân dịp này ông cũng đưa ra lời kêu gọi thế giới kiềm chế sức mạnh quân sự Mỹ.

Một nhà bình luận người Trung Quốc đã mô tả đặc điểm của quan hệ Nga – Mỹ là “căng thẳng từng hồi và thù hận lâu dài được ngắt quãng bởi những thời kỳ quan hệ tốt đẹp ngắn ngủi”. Quan hệ Trung Quốc và Mỹ cũng đại loại như vậy kể từ khi chấm dứt Chiến tranh lạnh. Tuy nhiên, sự đồng cảnh có thể làm cho Nga và Trung Quốc xích lại gần nhau, nhưng họ dường như không thông đồng với nhau để thách thức quyền bá chủ của Mỹ. Trò chơi hiện thời khác về chất so với những gì diễn ra trong Chiến tranh lạnh, khi Mỹ dùng con bài Trung Quốc để chống lại Liên Xô trong một cuộc cạnh tranh khốc liệt và theo một khuôn mẫu khác hẳn. Ngày nay, Nga và Trung Quốc về cùng một phe để chống lại mối đe dọa từ siêu cường duy nhất là Mỹ, tuy nhiên đây là trận đấu có tỷ số ■

*Người dịch: Nguyễn Xuân Ninh
Viện Nghiên cứu Châu Mỹ*

Nguồn: Harvard International Review, Spring 2004.

Chú thích:

(*) Giáo sư Khoa Chính trị, ĐH New York.